TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2019/DS-PT
Ngày: 29-3-2019
V/v tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tài;

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Duyên Hằng;

Bà Lê Thị Kim Anh.

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Trần Hoài Thu - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa*:** Bà Đặng Hà Nhung - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25 và 29 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 56/2019/TLPT-DS ngày 22 tháng 01 năm 2019, về việc: Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 111/2018/DS-ST ngày 05 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã D, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 60/2019/QĐ-PT ngày 19 tháng 02 năm 2019, giữa:

- *Nguyên đơn*: Ông Phạm Đức T1, sinh năm 1972; địa chỉ: khu phố T, phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm 1971; địa chỉ: khu phố H, phường B, thị xã D, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 16-5-2018).

- *Bị đơn:* Bà Đinh Thị T, sinh năm 1959; địa chỉ: khu phố T, phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

+ Ông Đặng Trung K, sinh năm 1959; địa chỉ: khu phố T, phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của ông Đặng Trung K: Bà Đinh Thị T, sinh năm 1959; địa chỉ: khu phố T, phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 15-5-2018).

+ Bà Nguyễn Thị Bích H, sinh năm 1982; địa chỉ: khu phố T, phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Đinh Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn ông Phạm Đức T1 trình bày:

Ngày 03-7-2000, ông T1 nhận chuyển nhượng của bà Đinh Thị T diện tích 78m^2 loại đất sản xuất phụ (đất nông nghiệp) thuộc thửa 36, 37 tờ bản đồ số 01 tọa lạc tại khu phố T, phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương, đất đã được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 277.QSDĐ/CQ-TTDA ngày 10-4-1999 cho bà Đinh Thị T. Giá trị chuyển nhượng là 13.260.000 đồng, ông T1 đã giao tiền cho bà T và nhận đất xây dựng nhà ở ổn định từ năm 2001. Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân thị trấn D (nay là phường D) xác nhận. Ông T1 nhiều lần yêu cầu bà T hoàn tất các thủ tục chuyển nhượng để tách thửa nhưng bà T không thực hiện, đồng thời yêu cầu ông T1 phải trả cho bà thêm 01 khoản tiền tương ứng với phần đất thổ cư trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà. Hiện nay khi đo đạc mới biết trong phần đất của ông T1 có 15,3m^2 đất thổ cư và diện tích đất thực tế sử dụng ít hơn trong hợp đồng chuyển nhượng. Đối với diện tích đất ít hơn ông T1 không yêu cầu gì; diện tích đất thổ cư ông T1 đồng ý trả cho bà T theo giá chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định. Đối với các tài sản gắn liền trên đất, nguyên đơn xác định không tranh chấp.

Nay ông T1 yêu cầu Tòa án giải quyết:

+ Công nhận Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 72.CN ngày 03-7-2000 giữa ông Phạm Đức T1 với bà Đinh Thị T.

+ Công nhận diện tích đất theo đo đạc thực tế là 74,6m^2 tọa lạc tại khu phố T, phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông T1.

Bị đơn bà Đinh Thị T đồng thời là người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đặng Trung K trình bày:

Thống nhất với phần trình bày của nguyên đơn về việc hai bên có lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 03-7-2000. Hai bên đã thực hiện giao tiền, nhận đất xây dựng nhà ở ổn định. Việc chưa hoàn tất thủ tục tách thửa là do trong hợp đồng hai bên thỏa thuận các thủ tục tách thửa do nguyên đơn phải tự thực hiện. Khoảng năm 2003-2006, bị đơn đưa sổ đỏ cho nguyên đơn để làm thủ tục tách thửa nhưng không làm mà trả lại sổ đỏ cho bà. Đến năm 2011, bà làm tờ trình gửi Ủy ban nhân dân thị xã D xin tách thửa thì được Ủy ban nhân dân thị xã D trả lời do đất phân

lô nên không thực hiện tách thửa được. Hiện nay, nguyên đơn vẫn sinh sống bình thường trên phần đất đã nhận chuyển nhượng.

Theo mảnh trích lục địa chính có đo đạc chỉnh lý do Tòa án yêu cầu đo thì phần đất hiện nay của ông T1 là 74,6m^2, so với hợp đồng chuyển nhượng còn thiếu 3,4m^2. Khi chuyển nhượng hai bên có thỏa thuận bằng lời nói chừa đường đi 1,5m còn lại bên nhận chuyển nhượng phải từ chừa đường đi trong phần đất của mình. Hiện nay đường đi có chiều rộng 4m, đất của ông T1 có chiều ngang là 4m nên bà có ý kiến ông T1 phải trả cho bà diện tích dư ra của đường đi là 10m^2, cấn trừ phần đất bị thiếu trong hợp đồng thì bà T còn yêu cầu ông T1 trả diện tích đất 6,6m^2 giá 30.000.000 đồng/m^2 tương đương 198.000.000 đồng. Ngoài ra, ông T1 còn phải trả cho bà diện tích đất thổ cư là 61,1m^2 theo bản trích đo tổng thể năm 2011 do bà yêu cầu đo với giá 5.280.000 đồng/m^2 tương đương 322.600.000 đồng. Ông T1 trả cho bà tổng cộng 520.600.000 đồng một lần thì bà đồng ý với các yêu cầu của nguyên đơn. Bà không làm đơn yêu cầu phản tố nhưng vẫn có ý kiến như trên.

Tại phiên tòa, bà T cho rằng thời điểm ký hợp đồng chuyển nhượng chồng bà là ông Đặng Trung K không biết việc chuyển nhượng đến năm 2008 ông K có đến Ủy ban nhân dân thị trấn D trình bày nhưng chỉ bằng lời nói không có văn bản chứng minh. Hợp đồng không có sự đồng ý của ông K chỉ có 01 mình bà ký nên không có hiệu lực.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Bích H trình bày:

Bà H là vợ của ông Phạm Đức T1, bà H thống nhất với các ý kiến, yêu cầu của nguyên đơn.

Tại cấp sơ thẩm, người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa nguyên đơn và bị đơn không có hiệu lực bởi: Hợp đồng bị vi phạm theo quy định tại Khoản 2 Điều 31 Luật Đất đai năm 1993 và hướng dẫn của Nghị định số 79/2001 mới dừng lại ở việc nộp hồ sơ, gửi hồ sơ đến ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất, chưa thực hiện đủ 05 bước trình tự theo quy định; đồng thời hợp đồng chuyển nhượng bị vi phạm về chủ thể do diện tích đất chuyển nhượng nằm trong tổng thể diện tích đất được Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho bà Đinh Thị T là tài sản chung của bà T và ông K, tuy nhiên trong hợp đồng chỉ có bà T ký còn ông K không biết việc chuyển nhượng. Về diện tích con đường vẫn thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà T, bà T chỉ chừa 1,5m làm đường đi còn lại các hộ dân phải tự chừa tuy nhiên nay con đường có bề rộng là 4m là các hộ dân đã tự ý lấn chiếm đất của bị đơn nên đề nghị Tòa án xem xét áp dụng khoản 2 Điều 31 Luật Đất đai năm 1993, Nghị định số 79/2001, Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986, Nghị quyết 01/1988 để bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tòa án đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản đối với đất và các tài sản gắn liền với đất. Tại Biên bản định giá tài sản ngày 26-7-2018 Hội đồng định giá đã định giá các tài sản như sau:

- Diện tích đất ở 15.3m^2 trị giá 260.100.000 đồng;

- Diện tích đất cây lâu năm 830.200.000 đồng.

- Tài sản gắn liền trên đất đương sự không tranh chấp.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 111/2018/DS-ST ngày 05 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã D, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Đức T1 đối với bị đơn bà Đinh Thị T về tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

2. Công nhận Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 72.CN ngày 03-7-2000 giữa ông Phạm Đức T1 với bà Đinh Thị T.

Ông Phạm Đức T1 được quyền sử dụng diện tích đất 74,6m^2 (có 15,3m^2 đất thổ cư và 59,3m^2 đất cây lâu năm) thuộc thửa 1037 tờ bản đồ 1AB.7 tọa lạc tại khu phố T, phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương (vị trí thửa đất theo mảnh trích lục địa chính có đo đạc chỉnh lý do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã D phát hành ngày 03-7-2018).

Ông Phạm Đức T1 có trách nhiệm liên hệ với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký đối với quyền sử dụng đất được sử dụng theo quy định của Luật Đất đai.

3. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Phạm Đức T1 trả cho bà Đinh Thị T tiền chuyển mục đích đối với diện tích 15,3m^2 là 13.158.000 đồng (mười ba triệu một trăm năm mươi tám nghìn đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án, chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 16-11-2018, bị đơn bà Đinh Thị T kháng cáo bản án sơ thẩm đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn thay đổi yêu cầu kháng cáo, yêu cầu nguyên đơn bồi T diện tích đất thỏa thuận làm đường đi 1,5m x 4,03m; không công nhận cho ông T1 15,3m^2 đất làm nhà ở; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm: Kháng cáo của đương sự đúng thời hạn. Tại cấp phúc thẩm những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu công nhận Hợp đồng chuyển nhượng giữa số 72.CN ngày 03-7-2000 giữa ông Phạm Đức T1 với bà Đinh Thị T đối với diện tích đất 74,6m^2 (có 15,3m^2 đất thổ cư và 59,3m^2 đất cây lâu năm) thuộc thửa 1037 tờ bản đồ 1AB.7, tọa lạc tại khu phố T, phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương. Bị đơn thừa nhận việc ký hợp đồng, diện tích chuyển nhượng và số tiền thanh toán. Tuy nhiên, bị đơn kháng cáo cho rằng khi chuyển nhượng đất các bên chỉ thỏa thuận chuyển nhượng đất nông nghiệp nay lại giải quyết cho ông T1 15,3m^2 đất thổ

cư là không phù hợp, giá trị đất thổ cư không đúng, yêu cầu phía nguyên đơn phải chừa ra 1,5m để làm đường đi theo sự thỏa thuận miệng của các bên nhưng không được nguyên đơn thừa nhận và bị đơn cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc thỏa thuận về con đường nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị đơn về phần này.

Đối với yêu cầu về giá trị diện tích đất thổ cư tại phiên tòa phúc thẩm các bên đương sự không yêu cầu giải quyết, chỉ yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng đất đối với diện tích đất tròng cây lâu năm nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Bên cạnh đó, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên công nhận hợp đồng chuyển nhượng giữa nguyên đơn bị đơn nhưng lại không kiến nghị Ủy ban nhân dân thị xã D thu hồi và điều chỉnh diện tích đất trong giấy chứng nhận cấp cho bị đơn theo hiện trạng là tuyên chưa phù hợp. Kháng cáo của bị đơn là có căn cứ chấp nhận một phần. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa một phần Bản án sơ thẩm số 111/2018/DS-ST ngày 05-11-2018 của Tòa án nhân dân thị xã D.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà; ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Đinh Thị T được Ủy ban nhân dân huyện T (nay là thị xã D), tỉnh Bình Dương cấp quyền sử dụng đất diện tích 1.963m^2 (trong đó có 300m^2 đất làm nhà ở) thuộc thửa 36, 37, tờ bản đồ 01, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 277.QSDĐ ngày 10-4-1999.

Từ năm 2000, bà T phân thửa đất 36, 37 thành nhiều lô đất chuyển nhượng cho người dân. Trong đó bà T chuyển nhượng cho ông Phạm Đức T1 diện tích đất 78m^2 (đất nông nghiệp), thuộc một phần thửa 36, 37, tờ bản đồ 01, khu phố T, phường D, thị xã D, giá trị đất chuyển nhượng 13.260.000 đồng. Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân thị trấn D chứng thực ngày 03-7-2000; ông T1 đã giao đủ tiền cho bà T, bà T giao đất cho ông T1 quản lý sử dụng và xây dựng nhà ở cho đến nay. Ông T1 chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do bà T không giao giấy tờ liên quan để lập hồ sơ. Do đó, ông T1 khởi kiện bà T.

Nhận thấy, tại mảnh trích lục địa chính lập ngày 03-7-2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã D thể hiện phần đất bà T chuyển nhượng cho ông T1 đo đạc thực tế có diện tích 74,6m^2, thuộc thửa 1037 (thửa cũ 36, 37), tờ bản đồ 34 (1AB.7), khu phố T, phường D, tỉnh Bình Dương.

Bà T cho rằng, bà T chưa làm thủ tục sang tên quyền sử dụng đất cho ông T1 là do trong phần đất chuyển nhượng cho ông T1 hiện nay có diện tích đất 1,5m x 4,03m, ông T1 chưa trả tiền (đất thỏa thuận chừa làm đường đi).

Tại Văn bản số 873/UBND-NC ngày 27-3-2015 của Ủy ban nhân dân thị xã D trả lời đơn kiến nghị của công dân trong đó có ông T1; Ủy ban nhân dân thị xã D thống nhất giải quyết cho các hộ dân, trong đó có ông T1, được tách thửa và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất nhận chuyển nhượng của bà T.

Với những chứng cứ nêu trên, có căn cứ xác định hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà T với ông T1 được Ủy ban nhân dân thị xã D chứng thực ngày 03-7-2000 là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 3, khoản 3 Điều 73 Luật Đất đai năm 1993. Bà T đã nhận đủ tiền chuyển nhượng và đã giao đất cho ông T1 quản lý sử dụng, làm nhà ở cho đến nay. Phần đất bà T chuyển nhượng cho ông T1 nay đo đạc thực tế nhỏ hơn diện tích đất nhận chuyển nhượng là 3,4m^2, ông T1 không yêu cầu bà T bồi T nên ghi nhận.

Đối với yêu cầu bồi T giá trị đất làm đường đi 1,5m x 4,03m, Tòa án nhận thấy bà T không cung cấp được văn bản thỏa thuận giữa bà T với ông T1 về việc ông T1 chừa diện tích đất 1,5m x 4,03m làm đường đi, ông T1 không thừa nhận sự việc này nên không có cơ sở chấp nhận (đồng thời yêu cầu này của bà T đã được Tòa án cấp sơ thẩm giải thích về yêu cầu phản tố nhưng bà T không thực hiện).

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà T không cung cấp được chứng cứ để chứng minh kháng cáo là có căn cứ. Bản án sơ thẩm xét xử đúng pháp luật. Tuy nhiên, diện tích đất 74,6m^2 thuộc thửa 1037 (thửa cũ 36, 37), tờ bản đồ 34(1AB.7), khu phố T, phường D, tỉnh Bình Dương nay vẫn thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà T. Do đó, sửa phần tuyên án, kiến nghị Ủy ban nhân dân thị xã D thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 277.QSDĐ/CQTTDA ngày 10-4-1999 cấp cho bà T để điều chỉnh biến động đất đai cho phù hợp với việc sử dụng đất của các bên.

Đối với diện tích đất thổ cư, tại phiên tòa phúc thẩm bà T xác định chỉ chuyển nhượng cho ông T1 đất nông nghiệp, không có đất thổ cư. Phần đất thổ cư đề nghị Tòa án không giải quyết giao cho ông T1 là phù hợp pháp luật (quyền tự định đoạt). Ông T1 thừa nhận chỉ nhận chuyển nhượng đất nông nghiệp nên đồng ý không nhận diện tích làm nhà ở 15,3m^2 của bà T. Kháng cáo của bà T được chấp nhận một phần (thỏa thuận tại cấp phúc thẩm, sửa án không có lỗi của Thẩm phán sơ thẩm)

Bà T cho rằng, diện tích đất 74,6m^2 là tài sản chung vợ chồng bà T và ông Đặng Trung K, thời điểm bà T chuyển nhượng đất cho ông T1 thì ông K không biết. Tuy nhiên tại biên bản lấy lời khai của bà T lập ngày 21-02-2018, bà T thừa nhận, khi chuyển nhượng đất thì bà T đã báo cho ông K biết (vì lúc đó ông K đang đi bộ đội). Như vậy, ông K đã biết việc bà T chuyển nhượng đất nhưng không khiếu nại, tranh chấp xem như là sự thừa nhận. Trường hợp ông K có tranh chấp tài sản chung với bà T về giá trị phần đất chuyển nhượng cho ông T1 nêu trên thì được giải quyết tại vụ án khác.

[3] Án phí phúc thẩm: Kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 2 Điều 308, 309 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Đinh Thị T.

2. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 111/2018/DS-ST ngày 05 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã D, tỉnh Bình Dương như sau:

2.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Đức T1 đối với bị đơn bà Đinh Thị T về tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

2.2. Công nhận Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 72.CN ngày 03-7-2000 giữa bà Đinh Thị T với ông Phạm Đức T1 đã được Ủy ban nhân dân thị trấn D chứng thực là hợp pháp.

Ông Phạm Đức T1 được quyền sử dụng diện tích đất 74,6m^2 (đất cây lâu năm) thuộc thửa 1037 tờ bản đồ 34 (1AB.7) tọa lạc tại khu phố T, phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương (có sơ đồ vị trí đất kèm theo).

Ông Phạm Đức T1 có trách nhiệm liên hệ với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký đối với quyền sử dụng đất được sử dụng theo quy định của Luật Đất đai.

Kiến nghị Ủy ban nhân dân thị xã D thu hồi, điều chỉnh biến động đất đai đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 277.QSDĐ cấp ngày 10-4-1999 cho bà Đinh Thị T phù hợp với bản án này.

2.3. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá: Nguyên đơn tự nguyện chịu 2.422.000 đồng (hai triệu bốn trăm hai mươi hai nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền đã ứng nộp tại Tòa án.

2.4. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đinh Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho ông Phạm Đức T1 số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0019351 ngày 03-5-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã D, tỉnh Bình Dương.

3. Án phí phúc thẩm: Trả lại cho bà Đinh Thị T số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm, tại Biên lai thu số 0020417 ngày 19-11-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã D, tỉnh Bình Dương.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thị xã D;
- TAND thị xã D;
- Các đương sự;
- Tổ Hành chính Tư pháp;
- Lưu: HS, Tòa Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Tài

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Hoài Trí – Nguyễn Thị Duyên Hằng **Nguyễn Văn Tài**

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Hoài Trí Ngô Thị Bích Diệp **Nguyễn Văn Tài**

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS TP Thủ Dầu Một;
- TAND TP Thủ Dầu Một;
- Các đương sự;
- Tổ Hành chính Tư pháp;
- Lưu: HS, Tòa Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Tài